

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – LÂM ĐỒNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 16/2025/DS-ST

Ngày: 19/8/2025

*V/v Tranh chấp về hợp
đồng tín dụng và tranh chấp
yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài
sản do người chết để lại.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Đoàn Hạnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Pang Ting Suyl

Ông Hoàng Sỹ Lĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng, tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1.

Trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Nay là số H L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ, V2 Hội sở.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Đình H, sinh năm: 1991. Địa chỉ liên lạc: 1 H, phường T, Đắk Lắk.

- **Người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng: Công ty cổ phần M1** (Theo Hợp đồng mua bán nợ số 17/2024/VPB-JUPITER ngày 27/12/2024 giữa bên bán nợ Ngân hàng TMCP V1 và bên mua nợ Công ty cổ phần M1).

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Quận C, thành phố Hà Nội. Nay là tầng 15, Tòa nhà C, số B phố T, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T1 – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc D1. Theo văn bản ủy quyền số 06/2024/UQ-TGD ngày 11/7/2024 của Công ty cổ phần M1.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Thành V, ông Trần Thanh P; Địa chỉ: Số G Thôn G, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nay là số G Thôn G, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền số 28606/2025/UQ-XIN-JUPITERMN ngày 17/6/2025 của Công ty cổ phần M1.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn H1, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Nay là thôn T, xã P, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị D2**, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Nay là thôn P, xã P, tỉnh Lâm Đồng.

Chị Phạm Lê Thị Hằng N, sinh năm: 1997;

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Nay là thôn T, xã P, tỉnh Lâm Đồng.

Anh Phạm Quang H2, sinh năm: 1999;

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Nay là thôn T, xã P, tỉnh Lâm Đồng.

Cụ Nguyễn Thị H3, sinh năm: 1947;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn T, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

(Tại phiên tòa, ông Lê Đình H, ông Trần Thanh P có mặt. Các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12/8/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 trình bày: Ngân hàng TMCP V1 (V2) với ông Phạm Văn H1, bà Lê Thị N1 đã ký kết hợp đồng cho vay số LN2207186258104 ký ngày 23/7/2022, số tiền vay 2.361.000.000đồng, thời hạn vay 263 tháng, từ ngày 28/7/2022 đến ngày 28/6/2044; Mục đích vay bù đắp tiền mua Bất động sản; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 10.4%/năm, cố định trong 06 tháng đầu, định kỳ điều chỉnh 03 tháng

01 lần. Để đảm bảo khoản vay trên ông H1 bà N1 ký hợp đồng thế chấp số LN2207186258104 ngày 23/7/2022 để thế chấp tài sản là diện tích đất 9.925m² thửa 22, diện tích đất 12.540m² thửa 23, diện tích đất 12.807m² thửa 24, diện tích đất 13.921m² thửa 25 tờ bản đồ 81 tọa lạc tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK703179, BK703180, BK703181, BK703182 do UBND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/9/2012.

Ngoài ra, Ngân hàng và ông H1, bà N1 có lập Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 02/8/2022, số tiền vay là 275.000.000đồng, thời hạn vay 24 tháng, từ ngày 05/8/2022 đến ngày 05/8/2024; Mục đích vay tiêu dùng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 23%/năm, cố định đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất, sau đó định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần.

Sau khi vay vốn tính đến ngày 12/8/2024 ông Phạm Văn H1, bà Lê Thị N1 đã thanh toán được cho V2 số tiền là: 376.728.421đồng. Trong đó, nợ gốc thanh toán là 98.885.561đồng, nợ lãi thanh toán là 277.842.860đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H1, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với V2. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H1, bà N1 phải thanh toán cho V2 một lần tổng số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên là 3.137.904.230đồng. Trong đó nợ gốc là 2.537.114.439đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 12/8/2024 là 600.789.791đồng, cụ thể: Theo Hợp đồng cho vay số LN2207186258104 ký ngày 23/7/2022 có tổng dư nợ là 2.887.664.712đồng gồm nợ gốc 2.361.000.000đồng, nợ lãi 526.664.712đồng; Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 02/8/2022 có tổng dư nợ: 250.239.559đồng. Trong đó, nợ gốc 176.114.439đồng, nợ lãi 74.125.120đồng. Ngân hàng yêu cầu ông H1 bà N1 phải tiếp tục chịu lãi phát sinh và yêu cầu duy trì biện pháp thế chấp nêu trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tuy nhiên, ngày 04/11/2023 bà N1 chết nên Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông H1 và nhưng người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N1 là ông Phạm Văn H1 (chồng), cụ Nguyễn Thị H3 (Mẹ bà N1) và 02 con chung là Phạm Lê Thị Hằng N và Phạm Quang H2 phải trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền 3.137.904.230đồng. Trong đó, nợ gốc: 2.537.114.439đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 12/8/2024 là 600.789.791đồng. Yêu cầu tiếp tục chịu lãi phát sinh và duy trì hợp đồng thế chấp đối với các tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên. Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

2. Người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là Công ty cổ phần M1 do ông Trần Thanh P, ông Phạm Thành V trình bày: Ngân

hàng TMCP V1 với ông Phạm Văn H1, bà Lê Thị N1 có ký hợp đồng cho vay số LN2207186258104 ký ngày 23/7/2022 với số tiền vay 2.361.000.000đồng, lãi suất tại thời điểm giải ngân 10,4%/ năm, cố định trong 06 tháng đầu, định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần; mục đích sử dụng vốn vay bù đắp tiền mua bất động sản tại thửa đất số 22, 23, 24, 25, tờ bản đồ số 81 tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông H1, bà N1 nhận nợ theo khế ước nhận nợ ký ngày 23/7/2022, với số tiền là 2.361.000.000đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông H1 bà N1 ký hợp đồng thế chấp tài sản là diện tích 9.925m² thửa 22, diện tích 12.540m² thửa 23, diện tích 12.807m² thửa 24, diện tích 13.921m² thửa số 25, tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Sau đó ông H1, bà N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H1, bà N1 phải trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Tuy nhiên, sau đó phía Ngân hàng được biết bà N1 đã chết nên phía Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông H1 và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N1 là ông H1, cụ H3 và 02 con chung là chị N, anh H2 phải trả nợ cho Ngân hàng.

Ngày 27/12/2024 Ngân hàng đã bán 90% số nợ trên cho Công ty cổ phần M1 theo Hợp đồng mua bán nợ số 17/2024/VPB-JUPITER ngày 27/12/2024 giữa bên bán nợ Ngân hàng TMCP V1 và bên mua nợ Công ty cổ phần M1. Vì vậy, Công ty cổ phần M1 yêu cầu ông H1 và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N1 là ông H1, cụ H3 và 02 con chung là chị N, anh H2 phải trả cho Công ty cổ phần M1 số nợ gốc là 2.283.393.995đồng tương đương với 90% số nợ mà Ngân hàng bán công nợ cho công ty và số lãi tạm tính đến ngày 24/3/2025 là 632.874.920đồng. Đồng thời, để đảm bảo cho việc thi hành án Công ty cổ phần M1 yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp nêu trên. Ngoài ra, Công ty cổ phần M1 không còn yêu cầu gì khác.

3. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Văn H1 là bà Nguyễn Thị D2 trình bày: Năm 2022 ông H1, bà N1 có ký hợp đồng cho vay số LN2207186258104 ngày 23/7/2022 với Ngân hàng TMCP V1, để vay số tiền 2.361.000.000đồng, thời hạn vay 263 tháng, từ ngày 28/7/2022 đến ngày 28/6/2044, lãi suất tại thời điểm giải ngân 10.4%/năm, cố định trong 06 tháng đầu, định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông H1, bà N1 thế chấp tài sản gồm diện tích 9.925m² thửa 22, sổ sổ BK703179; diện tích 12.540m² thửa 23, sổ sổ BK703180; diện tích 12.807m² thửa 24, sổ sổ BK703181; diện tích 13.921m² thửa 25, sổ sổ BK703182. Đều thuộc tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra ông H1, bà N1 còn ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 02/8/2022, số tiền vay 275.000.000 đồng; Thời hạn vay 24 tháng, từ ngày 05/8/2022 đến ngày 05/8/2024; Mục đích vay tiêu dùng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 23%/năm, cố định đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất, sau đó định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần. Sau khi vay vốn thì ông H1, bà N1 trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng.

Ngày 04/11/2023 bà N1 chết. Bố bà N1 là cụ Lê Xuân M, sinh năm 1942 đã chết năm 1973, mẹ bà N1 là cụ Nguyễn Thị H3, sinh năm: 1947 hiện nay ở Bắc Giang, ông H1 và bà N1 có 02 người con chung là Phạm Lê Thị Hằng N, sinh năm: 1997 và Phạm Quang H2, sinh năm: 1999 đều trú tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Ngoài ra, ông H1 bà N1 không còn người con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

Đến năm 2024 thì ông H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H1, bà N1 phải trả cho Ngân hàng 3.137.904.230 đồng. Trong đó, nợ gốc là 2.537.114.439 đồng, nợ lãi là 600.789.791 đồng tạm tính đến ngày 12/8/2024 thì ông Hợp đồng Ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông H1 không thể trả ngay cho Ngân hàng. Khi bà N1 chết không để lại di chúc nên ông H1 yêu cầu Tòa án giải quyết phần nghĩa vụ của bà N1 theo quy định pháp luật. Nay Ngân hàng khởi kiện và bán công nợ cho Công ty cổ phần M1 thì bị đơn cũng đồng ý theo ý kiến của Công ty cổ phần M1. Về phía bị đơn và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N1 cũng đồng ý phối hợp với phía nguyên đơn để bàn giao tài sản thế chấp cho phía nguyên đơn thu hồi nợ. Ngoài ra, phía bị đơn không còn yêu cầu gì khác.

4. Bị đơn chị Phạm Lê Thị Hằng N, anh Phạm Quang H2, cụ Nguyễn Thị H3 trình bày: Ông Phạm Văn H1 và bà Lê Thị N1 có ký hợp đồng tín dụng vay vốn với Ngân hàng TMCP V1 số tiền gốc là: 2.527.114.439 đồng, để đảm bảo cho khoản vay thì có thể chấp tài sản là các bất động sản là diện tích 9.925m² thửa 22; diện tích 12.540m² thửa 23; diện tích 12.807m² thửa 24; diện tích 13.921m² thửa 25, tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình thực hiện vay vốn thì toàn bộ hồ sơ và số tiền Ngân hàng cho vay không liên quan đến chị N, anh H2, cụ H3.

Ngày 04/11/2023 bà N1 chết do bị bệnh. Khi chết bà N1 không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của bà N1 theo quy định của pháp luật bao gồm: Ông Phạm Văn H1 (chồng bà N1), cụ Nguyễn Thị H3 (mẹ bà N1), chị Phạm Lê Thị Hằng N và anh Phạm Quang H2 (con bà N1). Cha bà N1 là cụ Lê Xuân M,

sinh năm: 1942 đã chết từ năm 1973. Bà N1 không có cha mẹ nuôi, con nuôi, con riêng nào khác.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H1, cụ H3, chị N và anh H2 phải thanh toán một lần khoản nợ gốc và lãi thì cụ H3, chị N và anh H2 yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật vì các bất động sản bà N1 để lại đều thế chấp tại các ngân hàng khác nhau. Cụ H3, chị N và anh H2 không có tài chính để thực hiện phần nghĩa vụ này với Ngân hàng. Trong trường hợp không ai thanh toán thì cụ H3, chị N và anh H2 đồng ý bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để ngân hàng xử lý theo quy định. Đồng thời, cụ H3, chị N và anh H2 có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt cụ H3, chị N và anh H2.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng việc hòa giải không thành. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông H1 và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N1 là ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 phải cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 329.649.275 đồng gồm 253.685.431 đồng nợ gốc và 75.963.844 đồng nợ lãi tính đến ngày 19/8/2025 (tương ứng với 10% giá trị của hợp đồng).

Công ty cổ phần M1 yêu cầu ông H1 và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N1 là ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 phải cùng có trách nhiệm trả cho công ty số tiền 2.966.843.474 đồng gồm 2.283.168.883 đồng nợ gốc và 683.675.591 đồng nợ lãi (tương ứng với 90% giá trị của hợp đồng).

Đồng thời, Ngân hàng và Công ty yêu cầu ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký. Đồng thời yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp số LN2207186258104 ngày 23/7/2022 đã ký giữa bên thế chấp ông Phạm Văn H1, bà Lê Thị N1 và bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP V1 – Chi nhánh Đ1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” với bị đơn ông Phạm

Văn H1, chị Phạm Lê Thị Hằng N, anh Phạm Quang H2, cụ Nguyễn Thị H3.

Buộc ông H1 phải trả Ngân hàng TMCP V1 số tiền 164.824.637đồng, trong đó nợ gốc 126.842.000đồng, nợ lãi 37.981.921đồng. Trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền 1.483.421.733đồng, trong đó nợ gốc 1.141.584.442đồng, nợ lãi 341.837.291đồng.

Buộc những người thừa kế của bà N1 gồm ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 trong phạm vi di sản thừa kế được hưởng phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền 164.824.637đồng, trong đó nợ gốc 126.842.000đồng, nợ lãi 37.981.921đồng. Trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền 1.483.421.733đồng, trong đó nợ gốc 1.141.584.442đồng, nợ lãi 341.837.291đồng.

Ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi nghĩa vụ trả nợ được chấm dứt. Trong đó những người thừa kế của bà N1 phải chịu khoản tiền lãi suất trong phạm vi di sản thừa kế được hưởng.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số LN2207186258104 ngày 23/7/2022 giữa bà N1, ông H1 với Ngân hàng TMCP V1, chi nhánh Đ1 đối với diện tích 9.925m² thửa 22, diện tích 12.540m² thửa 23, diện tích 12.807m² thửa 24 và diện tích 13.921m² thửa 25 cùng tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là thôn P, xã Đ 3, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 703179, số BK 703180, số BK 703181, số BK 703182 cấp ngày 26/09/2012 cho đến khi ông H1, chị N, anh H2 và cụ H3 trả xong nợ. Trường hợp bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để xử lý thu hồi nợ

Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện nhận chịu nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ H3 vì là người cao tuổi. Buộc H1, chị N, anh H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trong đó những người thừa kế của bà N1 phải chịu khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản thừa kế được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các chứng cứ, tài liệu được thể hiện trong hồ sơ và kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị D2, ông Phạm Văn H1, chị Phạm Lê Thị Hằng N, anh Phạm Quang H2, cụ Nguyễn Thị H3 vắng mặt nhưng có

đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt bà D2, ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 là phù hợp.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Năm 2022 Ngân hàng TMCP V1 (V2) với ông Phạm Văn H1, bà Lê Thị N1 đã ký kết hợp đồng cho vay số LN2207186258104 ký ngày 23/7/2022, số tiền vay 2.361.000.000đồng. Ngoài ra, Ngân hàng và bà N1 có lập Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 02/8/2022, số tiền vay là 275.000.000đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông H1, bà N1 không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết nên Ngân hàng có đơn khởi kiện. Do vậy, căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024), khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*.

Sau đó được biết bà Lê Thị N1 đã chết nên Ngân hàng thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Phạm Văn H1 và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N1 là ông Phạm Văn H1, chị Phạm Lê Thị Hằng N, anh Phạm Quang H2, cụ Nguyễn Thị H3 cùng có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 615 Bộ luật Dân sự xác định thêm quan hệ tranh chấp là *“Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”*. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3]. Về tư cách tham gia tố tụng: Các đương sự thừa nhận bà Lê Thị N1 chết ngày 04/11/2023 không để lại di chúc. Bố bà N1 là cụ Lê Xuân M đã chết năm 1973. Hiện nay chỉ còn mẹ bà N1 là cụ Nguyễn Thị H3, ông H1 và bà N1 có 02 người con chung là Phạm Lê Thị Hằng N, và Phạm Quang H2. Ngoài ra, bà N1 không còn người con riêng, con nuôi nào khác.

Khi còn sống bà N1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK703179, BK703180, BK703181, BK703182 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/9/2012. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự xác định bà N1 đã chết ngày 04/11/2023 không phải là bị đơn trong vụ án, hàng thừa kế thứ nhất của bà N1 gồm ông H1, chị N, anh H2, cụ H3. Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng có khởi kiện yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N1 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nên Tòa án xác định bị đơn gồm ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 là phù hợp.

Ngày 27/12/2024 Ngân hàng TMCP V1 đã bán 90% số nợ trên cho Công ty cổ phần M1 theo Hợp đồng mua bán nợ số 17/2024/VPB-JUPITER ngày 27/12/2024 và phụ lục hợp đồng số 01 xác nhận khoản nợ đã được mua bán. Việc mua bán nợ được thực hiện theo đúng quy định khoản 3 Điều 3, Điều 13 của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng N2 quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài và khoản 2, khoản 9 Điều 1 Thông tư số 18/2022/TT-NHNN26/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng N2. Vì vậy, Tòa án xác định Công ty cổ phần M1 là người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP V1 theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[4]. Về nội dung tranh chấp:

[4.1]. Qua yêu cầu của đương sự, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hợp đồng tín dụng số LN2207186258104 ngày 23/7/2022 thì Ngân hàng TMCP V1 có cho ông Phạm Văn H1, bà Lê Thị N1 vay số tiền 2.361.000.000đồng, thời hạn vay 263 tháng, mục đích bù đắp mua bất động sản thửa 22, 23, 24, 25 tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Ngày 28/7/2022 hai bên ký khế ước nhận nợ và ông H1, bà N1 xác nhận đã nhận đủ số tiền 2.361.000.000đồng, lãi suất cho vay trong hạn 10.4%/năm, cố định 06 tháng kể từ gày giải ngân, sau đó 03 tháng/01 lần, bên vay được ân hạn nợ gốc trong 12 tháng, sau đó phải trả nợ gốc 01 tháng/01 lần vào ngày 15, kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 15/8/2023, mỗi kỳ phải trả 9.407.000đồng và trả lãi vào ngày 15/8/2022 (BL347).

Ngoài ra, ngày 02/8/2022 bà N1 có ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ để vay số tiền 275.000.000đồng, mục đích mua bán phân bón, thu mua nông sản và xay xát lúa gạo (BL50), việc vay tiền trong thời kỳ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự xác định ông H1, bà N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/3/2024, ông Hợp đồng Ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý với việc Ngân hàng đã bán 90% số nợ trên cho Công ty cổ phần M1 nhưng ông H1 không thể trả ngay nên ông H1 yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Như vậy, xác định toàn bộ số nợ Theo hợp đồng tín dụng số LN2207186258104 ngày 23/7/2022 và số nợ theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 02/8/2022 là nợ chung của vợ chồng ông H1, bà N1. Do ông H1, bà N1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận nên

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp ý chí thỏa thuận giữa hai bên, đúng quy định tại Điều 117, Điều 280 Bộ luật Dân sự, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024), Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì vậy, xác định ông Phạm Văn H1 và bà Lê Thị N1 còn nợ cụ thể:

Ông H1 bà N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số LN2207186258104 từ ngày 10/3/2024, Ngân hàng yêu cầu trả nợ gốc là 2.361.000.000đồng và trả nợ lãi quá hạn từ ngày 10/3/2024 đến ngày 19/8/2025 là 528 ngày nên lãi là $2.361.000.000\text{đồng} \times 20.70\% \times 528 \text{ ngày} = 706.980.427\text{đồng}$.

Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử phía nguyên đơn yêu cầu trả nợ gốc là 175.854.314đồng và nợ lãi quá hạn tính từ ngày 10/3/2024 đến ngày 19/8/2025 là 528 ngày nên lãi là $175.854.314\text{đồng} \times 20.70\% \times 528 \text{ ngày} = 52.658.008\text{đồng}$.

Cộng chung là 3.296.492.741 đồng gồm nợ gốc là 2.536.854.314đồng và lãi là 759.638.427đồng.

Do xác định đây là nợ chung của ông H1, bà N1 nên căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình buộc ông H1, bà N1 mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số nợ trên, cụ thể mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ là 1.648.246.370đồng gồm nợ gốc là 1.268.427.157đồng ($\frac{1}{2}$ nợ theo hợp đồng tín dụng số LN2207186258104 là 1.180.500.000đồng + $\frac{1}{2}$ nợ theo hợp đồng cho vay không TSBĐ là 87.927.157đồng) và nợ lãi là 379.819.213đồng ($\frac{1}{2}$ nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số LN2207186258104 là 353.490.213đồng + $\frac{1}{2}$ nợ lãi theo hợp đồng cho vay không TSBĐ là 26.329.000đồng).

[4.2]. Hiện nay bà N1 đã chết nhưng theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thì khi còn sống bà N1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK703179, BK703180, BK703181, BK703182 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/9/2012. Qua xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì được biết bà N1 còn đứng tên một số thửa đất khác tại khu vực L, ông H1 bà N1 còn đứng tên 06 thửa đất khác tại xã Đ, huyện L (nay là xã P) nhưng ông bà làm thủ tục tặng cho con là Phạm Quang H2 vào tháng 10/2023 (BL251-293). Các bên đều thừa nhận bà N1 chết không để lại di chúc, hiện nay di sản thừa kế chưa chia theo quy định. Xét thấy, theo khoản 1

Điều 615 Bộ luật Dân sự quy định: “*những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác*”. Cho đến thời điểm này, các bên không có thoả thuận khác. Vì vậy, phần nghĩa vụ tài sản của bà N1 thì hàng thừa kế thứ nhất của bà N1 gồm ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 phải có nghĩa vụ thực hiện trong phạm vi di sản do bà N1 chết để lại. Trường hợp nghĩa vụ để lại lớn hơn phần di sản để lại thì ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 chỉ có nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi di sản do bà N1 để lại.

[4.3]. Do hiện nay Ngân hàng TMCP V1 đã bán 90% số nợ trên cho Công ty cổ phần M1 nên nghĩa vụ trả nợ cụ thể như sau:

- Nghĩa vụ của ông H1 phải trả là 1.648.246.370đồng gồm nợ gốc là 1.268.427.157đồng và nợ lãi là 379.819.213đồng. Vì vậy, buộc ông H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền nợ tính đến ngày 19/8/2025 tổng cộng là 164.824.637 đồng (1.648.246.370đồng x 10%) gồm nợ gốc là 126.842.715đồng (1.268.427.157đồng x 10%) và nợ lãi là 37.981.921đồng (379.819.213đồng x 10%).

Đồng thời, buộc ông H1 phải trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền nợ tính đến ngày 19/8/2025 tổng cộng là 1.483.421.733đồng (1.648.246.370đồng x 90%) gồm nợ gốc là 1.141.584.441đồng (1.268.427.157đồng x 90%) và nợ lãi là 341.837.291đồng (379.819.213đồng x 90%).

- Nghĩa vụ của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N1 gồm ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 phải trả là 1.648.246.370đồng gồm nợ gốc là 1.268.427.157đồng và nợ lãi là 379.819.213đồng.

Buộc ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền nợ tính đến ngày 19/8/2025 tổng cộng là 164.824.637 đồng (1.648.246.370đồng x 10%) gồm nợ gốc là 126.842.715đồng (1.268.427.157đồng x 10%) và nợ lãi là 37.981.921đồng (379.819.213đồng x 10%).

Đồng thời buộc ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 liên đới trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền nợ tính đến ngày 19/8/2025 tổng cộng là 1.483.421.733đồng (1.648.246.370đồng x 90%) gồm nợ gốc là 1.141.584.441đồng (1.268.427.157đồng x 90%) và nợ lãi là 341.837.291đồng (379.819.213đồng x 90%).

Đồng thời, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng và Công ty cổ phần M1.

[5]. Đối với việc Ngân hàng và Công ty cổ phần M1 yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số LN2207186258104 ngày 23/7/2022 đã ký giữa bên thế chấp ông Phạm văn H1, bà Lê Thị N1 và bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP V1 – Chi nhánh Đ1 đối với các tài sản là diện tích 9.925m² thuộc thửa đất số 22; diện tích 12.540m² thuộc thửa đất số 23; diện tích 12.807m² thuộc thửa đất số 24; diện tích 13.921m² thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để đảm bảo cho việc thi hành án khoản nợ nợ theo hợp đồng tín dụng số LN2207186258104.

Xét thấy, việc thế chấp này đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật, các bên tham gia giao dịch thế chấp này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp đúng vị trí theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Vì vậy, ông H1, bà N1 đứng ra ký kết các hợp đồng thế chấp trên với Ngân hàng là đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 212, các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, Điều 500, Điều 502 Bộ luật Dân sự. Do ông H1, bà N1 đã vi phạm Hợp đồng tín dụng như đã phân tích ở trên nên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp thỏa thuận giữa hai bên ghi nhận trong hợp đồng thế chấp và đúng quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Do vậy, để đảm bảo cho việc thi hành án sau này, cần tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp đã ký kết cho đến khi ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng số LN2207186258104.

[6]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc ông H1 phải chịu 61.447.391đồng, làm tròn thành 61.447.000đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 1.648.246.370đồng ông H1 phải có nghĩa vụ trả nợ.

Đối với cụ Nguyễn Thị H3 là người cao tuổi nhưng quá trình giải quyết vụ án cụ H3 không có đơn đề nghị miễn án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đồng thời theo hướng dẫn tại Mục IV. Dân sự, nội dung số 12 Công văn 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, do cụ H3 không có đơn đề nghị miễn án phí nên buộc cụ H3 cụ H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Như vậy, buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N1 là ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 phải liên đới chịu 61.447.391đồng, làm tròn thành 61.447.000đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 1.648.246.370đồng mà ông H1, chị N, anh H2, cụ H3 phải có nghĩa vụ trả. Trong đó những người thừa kế của bà N1 phải chịu khoản tiền án phí dân sự sơ

thẩm trong phạm vi di sản thừa kế được hưởng.

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã tạm nộp [7]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ngân hàng có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp và đã nộp số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.700.000đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, chi phí tố tụng đã được quyết toán xong.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 212, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 500, Điều 502, khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024)

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” đối với bị đơn ông Phạm Văn H1, chị Phạm Lê Thị Hằng N, anh Phạm Quang H2, cụ Nguyễn Thị H3.

1.1. Xác định phần nghĩa vụ tài sản của ông Phạm Văn H1 phải trả là 1.648.246.370đồng (Một tỷ, sáu trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi sáu ngàn, ba trăm bảy mươi đồng) gồm nợ gốc là 1.268.427.157đồng và nợ lãi tính đến ngày 19/8/2025 là 379.819.213đồng.

Buộc ông Phạm Văn H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền 164.824.637đồng (Một trăm sáu mươi tư triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn, sáu trăm ba mươi bảy đồng) gồm nợ gốc là 126.842.715đồng và nợ lãi tính đến ngày 19/8/2025 là 37.981.921đồng.

Buộc ông Phạm Văn H1 phải trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền 1.483.421.733đồng (Một tỷ, bốn trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi một ngàn, bảy trăm ba mươi ba đồng) gồm nợ gốc là 1.141.584.441đồng và nợ lãi tính đến ngày 19/8/2025 là 341.837.291đồng

1.2. Xác định phần nghĩa vụ tài sản của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị N1 gồm ông Phạm Văn H1, chị Phạm Lê Thị Hằng N, anh Phạm Quang H2, cụ Nguyễn Thị H3 phải trả là 1.648.246.370đồng (Một tỷ, sáu trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi sáu ngàn, ba trăm bảy mươi đồng) gồm nợ gốc là 1.268.427.157đồng và nợ lãi tính đến ngày 19/8/2025 là 379.819.213đồng.

Buộc ông Phạm Văn H1, chị Phạm Lê Thị Hằng N, anh Phạm Quang H2, cụ Nguyễn Thị H3 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền 164.824.637đồng (Một trăm sáu mươi tư triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn, sáu trăm ba mươi bảy đồng) gồm nợ gốc là 126.842.715đồng và nợ lãi tính đến ngày 19/8/2025 là 37.981.921đồng.

Buộc ông Phạm Văn H1, chị Phạm Lê Thị Hằng N, anh Phạm Quang H2, cụ Nguyễn Thị H3 có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền 1.483.421.733đồng (Một tỷ, bốn trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi một ngàn, bảy trăm ba mươi ba đồng) gồm nợ gốc là 1.141.584.441đồng và nợ lãi tính đến ngày 19/8/2025 là 341.837.291đồng

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phạm Văn H1, chị Phạm Lê Thị Hằng N, anh Phạm Quang H2, cụ Nguyễn Thị H3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1.

Đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Lê Thị N1 để lại thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị N1 là ông Phạm Văn H1, chị Phạm Lê Thị Hằng N, anh Phạm Quang H2, cụ Nguyễn Thị H3 chỉ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà Lê Thị N1 để lại theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự.

1.4. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số LN2207186258104 ngày 23/7/2022 đã ký giữa bên thế chấp ông Phạm văn H1, bà Lê Thị N1 và bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP V1 – Chi nhánh Đ1 đối với các tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 9.925m² thuộc thửa 22, diện tích đất 12.540m² thuộc thửa 23, diện tích đất 12.807m² thuộc thửa 24, diện tích đất 13.921m² thuộc thửa 25 đều thuộc tờ bản đồ số 81 tọa lạc tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK703179, BK703180, BK703181, BK703182 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/9/2012 cho

đến khi ông Phạm Văn H1, chị Phạm Lê Thị Hằng N, anh Phạm Quang H2, cụ Nguyễn Thị H3 trả dứt điểm nợ theo Hợp đồng tín dụng LN2207186258104 ngày 23/7/2022.

2. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP V1 nhận chịu 2.700.000đồng (Hai triệu bảy trăm ngàn đồng) chi phí tố tụng, số tiền này đã được quyết toán xong.

3. Về án phí: Buộc ông Phạm Văn H1 phải chịu 61.447.000đồng (Sáu mươi một triệu, bốn trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị N1 là ông Phạm Văn H1, chị Phạm Lê Thị Hằng N, anh Phạm Quang H2, cụ Nguyễn Thị H3 phải liên đới chịu 61.447.000đồng (Sáu mươi một triệu, bốn trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, trong phạm vi di sản thừa kế được hưởng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền 47.379.000đồng (Bốn mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi chín ngàn đồng) tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP V1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005061 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng, nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 3 – Lâm Đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/8/2025) các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND Khu vực 3 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trịnh Đoàn Hạnh Trang